

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGD-ST

Ngày: 10-9-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trang Thị Huỳnh Phương;

Bà Thi Thị Thanh Trúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Thị Phượng Liên, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Thòn – Kiểm sát viên.

**- Hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần:** Ông Nguyễn Hữu Sang, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Ngày 10 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai bằng hình thức trực tuyến; điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và điểm cầu cầu thành là Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh để xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 399/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Ánh Tr, sinh năm 1979 (có mặt tại điểm cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh);

Địa chỉ: Điện Biên Phủ, khóm 1, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt);

Tên gọi khác: Cao Vĩnh Th;

Địa chỉ: Ấp CM, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

\* Nguyên đơn chị Lâm Ánh Tr trình bày: Chị và anh Nguyễn Anh T (tên thường gọi Cao Vĩnh Th) quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh T về chung sống với gia đình chị tại Phường 6, thành phố Trà Vinh nhưng không có nhập hộ khẩu chung với chị. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cự cãi, năm 2002 anh T bỏ về sống ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và đổi tên thành Nguyễn Anh T từ năm 2002 cho đến nay, chị và anh T đã sống ly thân từ thời gian đó. Nhận thấy mục đích hôn nhân giữa chị với anh T không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001 hiện đang sống với chị. Khi quen anh T thì chị chỉ biết anh tên là Cao Vĩnh Th nên khi sinh cháu Đ mới làm khai sinh cho cháu là Cao Tuấn Đ. Cháu Đ đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Anh Nguyễn Anh T là bị đơn trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lâm Ánh Tr về hoàn cảnh đi đến hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị Tr có nhiều mâu thuẫn, cãi vã do tình tình không hợp nên anh về sống tại ấp Chăng Mật, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh và đổi tên từ Cao Vĩnh Th sang Nguyễn Anh T từ năm 2002 cho đến nay. Lý do của việc đổi tên này thật sự từ nhỏ đến lớn anh đi học và chứng minh nhân dân đều là tên Nguyễn Anh T. Khi anh sống cùng ông bà Ngoại đến năm 13 tuổi thì về sống với cha ruột và cha anh đặt cho anh tên thường gọi là Cao Vĩnh Th. Nguyễn Anh T và Cao Vĩnh Th là cùng một người thì chính quyền địa phương đều biết sự việc này, anh cũng không có giấy tờ gì mang tên Cao Vĩnh Th. Nay đối với yêu cầu của chị Tr, anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với yêu cầu của chị Tr; đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tr.

- Về con chung: Cháu Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh Nguyễn Anh T là vợ chồng; Con

chung là Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001, cháu Đ đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không có.

Đối với anh Nguyễn Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thụ lý vụ án “Tranh chấp về ly hôn” là đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 8 Điều 28; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lâm Ánh Tr và anh Nguyễn Anh T là vợ chồng;

- Về con chung: Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001 đã thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Tr phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị Lâm Ánh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Anh T, trú tại ấp CM, xã HL, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý, Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Anh T vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Các vấn đề về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ chung giữa chị Tr và anh T đều thống nhất được, không cần phải chứng minh.

- Về hôn nhân: Chị Lâm Ánh Tr cùng tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong hòa giải giữa chị Tr với anh T đều thống nhất tự nguyện ly hôn và yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng và tại phiên tòa chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Đối chiếu với trường hợp của chị Tr và anh T không có đăng ký kết hôn, chỉ chung sống với nhau như vợ chồng, nay có yêu cầu ly hôn, nên Tòa án không công nhận chị Lâm Ánh Tr và anh Nguyễn Anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Chị Tr và anh T có 01 con chung tên là Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001. Cháu Đ đã thành niên và theo chị Tr, anh T trình bày cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không mất năng lực hành vi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh T trình bày không có tài sản chung, không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Ánh Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận chị Lâm Ánh Tr và anh Nguyễn Anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Tr và anh T có 01 con chung tên là Cao Tuấn Đ, sinh năm 2001. Cháu Đ đã thành niên và theo chị Tr, anh T trình bày cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không mất năng lực hành vi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lâm Ánh Tr và anh Nguyễn Anh T trình bày không có tài sản chung, không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lâm Ánh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011957 ngày 01/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Phiên tòa sơ thẩm được diễn ra theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và điểm cầu cầu thành là Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Với sự hỗ trợ của ông Nguyễn Hữu Sang, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh).

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc niêm yết nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND Phường 6 và xã Hòa Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Văn Hùng**